

**Bản án số: 152/2017/HSPT
Ngày: 01/9/2017**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Dung

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hiền

Ông Dương Xuân Tuấn

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ninh Khánh Tân - Cán bộ Tòa
án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Hằng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa
xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 102/2017/HSPT ngày 05
tháng 7 năm 2017, đối với bị cáo Nguyễn Trọng Đ cùng đồng bọn, do có kháng
cáo của các bị cáo đối với bản án HSST số 118/2017/HSST ngày 23/5/2017 của
TAND Thành phố T.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Trọng Đ sinh năm: 1968; nơi ĐKKHKT: 204 Hải T, P. Đông V,
Thành phố T; nơi ở hiện nay: 06/246 Hải T, P. Quảng T, Thành phố T; nghề
nghiệp: LĐTD; văn hóa: 7/10; con ông Nguyễn Trọng C và bà Nguyễn Thị N; có
vợ là Lê Thị T và có 02 con, lớn sinh năm 1992 nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền
sự: không; nhân thân: năm 2003 TAND Thành phố T xử phạt 12 tháng tù cho
hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội “Đánh bạc”, năm 2005 TAND
Thành phố T xử phạt 12 tháng tù về tội “Đánh bạc”; bị tạm giữ, giam từ ngày
05/9/2016; có mặt.

2. Nguyễn Trọng Đ1 sinh năm: 1973: nơi ĐKKHKT: SN 204 Hải T, P.
Đông V, Thành phố T; nơi ở hiện nay: SN 28B/409 Lê Thánh T, P. Đông S,

Thành phố T; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 7/12; con ông Nguyễn Trọng C và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Giáp Thị X và có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, giam từ ngày 05/9/2016, đến ngày 29/11/2016 được thay thế BPNC cấm đi khỏi nơi cư trú; Tại ngoại có mặt.

3. Lộc Vĩnh T sinh năm: 1989; trú tại: SN 10B/410 Quang T, P. Đông V, Thành phố T; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 9/12; con ông Lộc Vĩnh Q và bà Hồ Thị H; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: năm 2007 TAND Huyện X, Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng; Bản án HSPT số 69/2017/HSPT ngày 05/5/2017 của TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 27 tháng tù về tội “Đánh bạc”; bị tạm giữ, giam từ ngày 05/9/2016; có mặt.

4. Mai Ngọc T1 sinh năm: 1990; trú tại: SN 20/109 Trần Xuân S, P. Đông T, Thành phố T; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa : 12/12; con ông Mai Ngọc T và bà Nguyễn Thị T; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: năm 2008 CAThành phố T xử phạt hành chính về hành vi đánh nhau; bị tạm giữ, giam từ ngày 05/9/2016, đến ngày 22/11/2016 được thay thế BPNC cấm đi khỏi nơi cư trú; Tại ngoại có mặt.

5. Lê Văn L sinh năm: 1972; trú tại: thôn 1, xã Đông A, H. Đông S, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 2/12; con ông Lê Hữu V và bà Ngô Thị T; có vợ là Hà Thị N và có 01 con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 05/9/2016, đến ngày 14/9/2016 được thay thế BPNC cấm đi khỏi nơi cư trú; Tại ngoại có mặt.

6. Nguyễn Trọng Đ2 sinh năm: 1967; nơi ĐKKHKT: SN115 Nguyễn Công T, phường 2, Thành phố L, Lâm Đồng; nơi ở hiện nay: 12/199 Nguyễn T, P. Đông H, Thành phố T; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 7/10; con ông Nguyễn Phùng H và bà Lê Thị V; có vợ là Lê Thị M (đã ly hôn); tiền án, tiền sự: không; nhân thân: năm 2007 TAND H. Nông C, Thanh Hóa xử phạt 4 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; năm 2013 CAThành phố T xử phạt hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy; Tại ngoại có mặt

7. Lê Văn T2 sinh năm: 1983; trú tại: Thôn Xuân P, xã Hải V, huyện Như T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 12/12; con ông Lê Văn L và bà Lê Thị N; có vợ là Nguyễn Thị H (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2012; tiền

sự: không; tiền án: tháng 5/2013 TAND Huyện H xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 28 tháng 28 ngày về tội “Tổ chức đánh bạc”; bị tạm giữ ngày 10/11/2016, đến ngày 13/11/2016 thay thế BPNC cấm đi khỏi nơi cư trú; Tại ngoại có mặt.

8. Trần Văn N sinh năm: 1965; trú tại: SN 130 Hải T, P. Đông Vệ, Thành phố T; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 5/10; con ông Trần Quang T và bà Phạm Thị M; có vợ là Trần Thị H và có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không; Tại ngoại có mặt

9. Nguyễn Hoàng G sinh năm: 1975; trú tại: SN 03B/526 Quang T, P. Đông V, Thành phố T; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 5/12; con ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị H có vợ là Trần Thị H và có 02 con, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, giam từ ngày 05/10/2016, đến ngày 29/11/2016 được thay thế BPNC bằng cấm đi khỏi nơi cư trú; Tại ngoại có mặt.

10. Trương Ngọc D sinh năm: 1984; trú tại: SN 45 Lý Thường K, P. Lam S, Thành phố T; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 12/12; con ông Trương Ngọc V và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Đoàn Thị T; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, giam từ ngày 05/9/2016, đến ngày 29/11/2016 được thay thế BPNC cấm đi khỏi nơi cư trú; Tại ngoại có mặt

11. Đỗ Xuân T3 sinh năm: 1952; trú tại: 181 Bà T, P. Hàm R, Thành phố T; nghề nghiệp: không; văn hóa: 5/10; con ông Đỗ Xuân T và bà Nguyễn Thị S; có vợ là Nguyễn Thị T và có 01 con sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: năm 2013 TAND Huyện Đ, Thanh Hóa xử phạt 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”; bị tạm giữ từ ngày 05/9/2016, đến ngày 14/9/2016 được thay thế BPNC cấm đi khỏi nơi cư trú; Tại ngoại có mặt.

12. Lương Khắc T4 sinh năm: 1967; trú tại: thôn 5, xã Hoằng T, Huyện H, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 7/10; con ông Lương Khắc C và bà Lương Thị N; có vợ là Lê Thị T và có 03 con, lớn sinh năm 1986, nhỏ sinh năm 1995; tiền sự: không; tiền án: bản án số 45/2014/HSST ngày 03/7/2014 TAND huyện H, Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách

30 tháng về tội “Tổ chức đánh bạc”; bị tạm giữ từ ngày 05/9/2016, đến ngày 14/9/2016 được thay thế BPNC cấm đi khỏi nơi cư trú; Tại ngoại có mặt.

13. Trần Thị H sinh năm: 1968; trú tại: phố Trung T, P. Quảng T, Thành phố S, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 5/10; con ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị T; có chồng là Nguyễn Thế H và có 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, giam từ ngày 05/9/2016, đến ngày 03/12/2016 được thay thế BPNC cấm đi khỏi nơi cư trú; Tại ngoại có mặt.

14. Nguyễn Thị T5 sinh năm: 1970; nơi ĐKHKTT: 21 Lê V, P. Lam S, Thành phố T; nơi ở hiện nay: SN 12/23 Hàng N, P. Lam S, Thành phố T; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 7/10; con ông Nguyễn Ngọc X và bà Nguyễn Thị L; có chồng là Nguyễn Trọng Q và có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, giam từ ngày 05/9/2016, đến ngày 09/11/2016 được thay thế BPNC cấm đi khỏi nơi cư trú; Tại ngoại có mặt.

15. Vương Chí K sinh năm: 1977; nơi ĐKHKTT: 14 Tô Vĩnh D, P. Điện B, Thành phố T; nơi ở hiện nay: 04/34 Lý Nhân T, P. Đông T, Thành phố T; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 12/12; con ông Vương Bá Ú và bà Lê Thị K; có vợ là Nguyễn Thị Bích N và có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: năm 2011 CA Thành phố T xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”; bị tạm giữ, giam từ ngày 05/9/2016, đến ngày 09/11/2016 được thay thế BPNC cấm đi khỏi nơi cư trú; Tại ngoại có mặt.

16. Lê Văn L1 sinh năm: 1964; trú tại: thôn 2, xã Phúc Đ, Huyện N, Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; văn hóa: 6/10; con ông Lê Văn B và bà Lê Thị B có vợ là Quách Thị L và có 03 con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, giam từ ngày 05/9/2016 đến ngày 22/11/2016 được thay thế BPNC cấm đi khỏi nơi cư trú; Tại ngoại có mặt.

*** Bị cáo không kháng cáo, kháng nghị:** Vũ Văn T6, Nguyễn Quốc C, Lê Tất L2, Nguyễn Thị N1, Lường Thị D1, Trần Thị H1, Nguyễn Thị C2, Trần Văn L3, Lường Kế D2, Nguyễn Văn B, Lê Đức T7, Lê Văn H2, Hoàng Đình Đ3.

NHÂN THẤY

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T và bản án hình sự sơ thẩm của TAND Thành phố T, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17h ngày 05/9/2016 tại khu vực cánh đồng thôn Văn V thuộc xã Đông V, Thành phố T, Công an Thành phố T phát hiện bắt quả tang trên chiếc xe ô tô khách màu trắng - đỏ BKS: 36M-0842, 25 đối tượng đang thực hiện hành vi Tổ chức đánh bạc và Đánh bạc dưới hình thức đánh sóc đĩa. Tang vật thu giữ tại chiếu bạc bao gồm: 04 con xóc hình tròn đường kính 02cm bằng giấy cứng, 03 bát sứ màu trắng; 03 đĩa sứ màu trắng; 02 tờ bạc ni lông màu trắng làm bằng vụn, KT mỗi bản (30x50)cm; 01 tấm vải nỉ màu xanh viền đỏ, KT (0,7 x 4)m; 03 chiếc chiếu cói, KT mỗi chiếc (1,2 x 1,8)m; 01 bộ dụng cụ dùng để đục con sóc (gồm: 01 miếng gỗ KT (20 x 20 x 4)cm và 01 thanh gỗ dạng dùi đục KT dài 25cm); 16 chiếc ghế nhựa các loại; số tiền: 121.300.000đ; 01 xe ô tô khách BKS 36M- 0842. Tiến hành khám xét thu giữ trên người Nguyễn Trọng Đ 03 ĐTDĐ hiệu Nokia ; Lương Khắc T4 01 ĐTDĐ hiệu Nokia; Lê Đức T7 số tiền 60.000đ; Nguyễn Thị N1 số tiền 100.000đ; Lộc Vĩnh T 01 ĐTDĐ hiệu Nokia; Trần Thị H1 01 ĐTDĐ hiệu Philip và số tiền 370.000đ; Lê Văn L 02 ĐTDĐ hiệu Nokia và số tiền 470.000đ; Lê Văn L1 số tiền 80.000đ; Mai Ngọc T1 số tiền 420.000đ, Trần Văn L3 02 ĐTDĐ (01 chiếc hiệu Iphone 6S, 01 ĐTDĐ hiệu Nokia); Đỗ Xuân T3 01 ĐTDĐ hiệu Nokia.

Quá trình điều tra các đối tượng khai nhận: Nguyễn Trọng Đ là người đứng ra tổ chức sới bạc. Ngày 19/8/2016, do không có giấy phép lái xe ô tô nên Đ nhờ Phùng Quốc T làm hợp đồng thuê lại chiếc xe ô tô khách màu trắng - đỏ, BKS: 36M-0842 của công ty TNHH Tuấn Thành (không nói mục đích thuê xe cho Quốc Tuấn biết, chiếc xe đã được trả lại cho chủ sở hữu). Thuê được xe Đ mang ra gara bến xe khách nhờ người tháo toàn bộ số ghế trên xe mục đích làm địa điểm để tổ chức đánh bạc. Đ thuê các đối tượng trong việc tổ chức (xóc cái, thu tiền hồ, giữ gìn trật tự, canh gác, đưa đón con bạc, lái xe) và gọi điện, rủ rê, lôi kéo các con bạc đến để đánh bạc. Đ bảo Mai Ngọc T1 thu tiền hồ từ 300.000đ-500.000 đồng của mỗi người vào tham gia đánh bạc, Đ và T1 thỏa thuận sau ca₅

sới bạc hoạt động xong Đ trả cho T1 công là 500.000đ. Đ nhờ Trương Ngọc D, Vũ Văn T6 trải chiếu, duy trì trật tự trong chiếu bạc trên xe, Đ thỏa thuận với D và T6 sau ca sới bạc hoạt động xong Đ trả cho D từ 500.000đ-1.000.000đ, trả cho T6 300.000đ; Đ nhờ Nguyễn Hoàng G điều khiển chiếc xe ô tô BKS 36M - 0842 đưa đón các con bạc; Đ thỏa thuận với G sau ca sới bạc hoạt động xong Đ trả cho G từ 300.000đ đến 500.000đ. Đ nhờ Nguyễn Trọng Đ1 làm nhiệm vụ đục quân vị và xóc cái, Đ thỏa thuận với Đ1 sau một ca sới bạc hoạt động xong Đ trả cho Đ1 500.000đ. Đ gọi Nguyễn Thị N1 đến để bán nước, thuốc lá cho các đối tượng đánh bạc, lợi nhuận thu được từ việc buôn bán N1 hưởng. N1 đã bán nước cho các con bạc nhưng chưa thu tiền thì bị bắt. Ngoài ra, Nguyễn Trọng Đ còn nhờ Nguyễn Trọng Đ2, Trần Văn N, Lê Văn T2 thực hiện công việc canh gác, bảo vệ vòng ngoài của xới bạc, nếu có L1 lượng công an đến hay có hiện tượng khả nghi thì điện báo cho Đ để giải tán đám bạc, sau ca gác Đ trả công cho Nguyễn Trọng Đ2 số tiền 400.000đ, Trần Văn N số tiền 400.000đ, Lê Văn T2 số tiền từ 500.000đ đến 700.000đ. Đối với Đỗ Xuân T3 được Nguyễn Trọng Đ gọi điện đến làm chủ cái và giao cho L2, T, C và L thực hiện việc giam tiền. T3, L2, T và C thỏa thuận sau ca xới bạc hoạt động xong trả công cho L2 từ 500.000đ - 1.000.000đ; T và C mỗi người 300.000đ, còn Lê Văn L chưa thỏa thuận gì.

Chiếu bạc được tổ chức từ 16 giờ 30' đến 17 giờ thì bị bắt, T1 mới thu tiền hồ được khoảng 4.000.000đ, số còn lại chưa kịp thu thì bị cơ quan Công an phát hiện và bắt quả tang.

Hình thức đánh bạc là xóc đĩa, dùng 4 con vị được cắt ra từ bài chắn, một bên là mặt màu đỏ, một bên là mặt màu trắng, sau đó bỏ vào bát sứ, dùng đĩa đập lại rồi sóc vài cái nhằm mục đích cho các con vị đảo lộn sau đó gọi các con bạc đặt tiền, tự lựa chọn đặt bên chắn hoặc bên lẻ, mức thấp nhất là 50.000đ. Nếu khi kết thúc ván bạc (mở bát) nếu hai mặt sóc màu trắng, hai mặt sóc màu vàng hoặc bốn con sóc màu trắng hoặc bốn con sóc vàng cả thì gọi là chắn, nếu ai đặt bên chắn thì ăn bên lẻ thua; nếu một con sóc màu trắng, ba con sóc màu đỏ hoặc một con sóc màu đỏ, ba con sóc màu trắng thì gọi là lẻ ai đặt bên lẻ thì ăn, bên chắn thua; tỉ lệ thắng thua là 1:1 (tức là đặt bao nhiêu tiền thì thắng hoặc thua số tiền tương ứng). Trong

canh bạc có thời điểm chủ cái sẽ đưa ra tỉ lệ đặt cược một trong hai cửa là 1 ăn 0,9. Người xóc cái là người được chủ sới thuê. Bảng vị được làm từ tấm ni lông vẽ nhiều hình tròn to bằng đường kính con sóc, biểu thị trên các hình tròn là màu đỏ, màu trắng. Màu đỏ quy định là bên chẵn, màu trắng quy định là bên lẻ. Nếu ai đặt bên chẵn thì đặt, ai đặt bên lẻ thì đặt, các con bạc ngồi thành hai hàng chẵn, lẻ. Khi người sóc cái mở bát ra là lúc xác định thắng, thua của ván bạc đó. Việc thanh toán tiền thắng thua cho các con bạc thông qua trung gian gọi là người “giam tiền”. Người “giam tiền” được chủ cái thuê để giám sát, quản lý tiền đặt cược và thanh toán tiền thắng thua của các con bạc trong mỗi ván bạc.

* Cụ thể các bị cáo đánh bạc như sau:

Vương Chí K mang theo số tiền là 3.500.000đ. Vào sới K nộp 500.000đ tiền hồ, chơi được khoảng 15’ đang tiếp tục thì bị bắt.

Hoàng Đình Đ3 mang theo số tiền 380.000đ. Vào sới Đ3 chưa nộp tiền hồ, đang tham gia đánh bạc thì bị bắt.

Lê Đức T7 mang theo số tiền 3.000.000đ. Vào sới T7 chưa nộp tiền hồ, chơi được khoảng 3 - 4 ván khi bị bắt trong ví còn khoảng 60.000đ bị thu giữ.

Lương Khắc T4 mang theo số tiền 300.000đ. Vào sới T3 chưa nộp tiền hồ, đang đánh bạc thì bị bắt.

Nguyễn Thị T5 mang theo số tiền 800.000đ. Vào sới T5 nộp 500.000đ tiền hồ, số tiền còn lại T5 đánh một ván thì bị thua.

Nguyễn Văn B mang theo số tiền 4.200.000đ. Vào sới B nộp 500.000đ tiền hồ, quá trình chơi thua hết tiền thì bị bắt.

Trần Văn L3 mang theo số tiền 5.000.000đ. Vào sới B nộp 500.000đ tiền hồ, quá trình chơi thua hết tiền thì bị bắt.

Nguyễn Thị C2 mang theo số tiền 150.000đ. Vào sới C2 chưa nộp tiền hồ, C2 dùng 50.000đ đánh thì bị thua, đang tiếp tục tham gia đánh bạc thì bị bắt.

Lường Kế D2 khi đi mang theo số tiền 5.000.000đ. Vào sới Doanh nộp 500.000đ tiền hồ, số tiền còn lại chơi thua hết thì bị bắt.

Lường Thị D1 mang theo số tiền 2.100.000đ. Vào sới Dung nộp 500.000đ

tiền hồ, đang tham gia đánh bạc thì bị bắt.

Trần Thị H mang theo số tiền 1.030.000đ. Vào sới H nộp 500.000đ tiền hồ, đang tham gia đánh bạc thì bị bắt.

Lê Văn L1 mang theo số tiền 2.080.000đ. Vào sới L1 nộp 500.000đ tiền hồ, đang tham gia đánh bạc thì bị bắt, thu giữ 80.000đ.

Lê Văn H2 mang theo số tiền 550.000đ. Vào sới H2 chưa nộp tiền hồ, đang tham gia đánh bạc thì bị bắt.

Trần Thị H1 khi mang theo số tiền 670.000đ. Vào sới Hòa nộp 200.000đ tiền hồ, đang tham gia đánh bạc thì bị bắt thu giữ 370.000đ.

Đối với số tiền 1.500.000đ và 11 chiếc điện thoại di động các loại khi bắt quả tang đã thu giữ trên người các đối tượng. Quá trình điều tra xác định trong đó có 1.130.000đ thu của Lê Đức T7, Lê Văn L, Nguyễn Thị N1, Lê Văn L1, Mai Ngọc T1; 01 chiếc điện thoại Iphone6S màu hồng thu của Trần Văn L3 không chứng minh được có sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra đã trả lại cho các bị cáo.

Đối với Trần Văn T8 trong giai đoạn truy tố đã bỏ trốn khỏi địa phương, cơ quan điều tra đang thực hiện truy nã.

Trong vụ án còn có Nguyễn Văn L4 là người trực tiếp tham gia đánh bạc, lợi dụng sơ hở khi bắt quả tang L4 bỏ trốn, cơ quan điều tra đang thực hiện truy nã.

Bản án Hình sự sơ thẩm số 118/2017/HSST ngày 23/5/2017 của TAND Thành phố T đã quyết định:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 249; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 BLHS (đối với tất cả các bị cáo phạm tội “Tổ chức đánh bạc”). Khoản 2 Điều 46 BLHS (đối với các bị cáo L, Duy Đ2, N, G, D, Xuõn T3). Điểm p khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 và Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội (đối với bị cáo Xuân T3). Điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS (đối với bị cáo T2). Điều 33BLHS. Điều 50, Điều 51 BLHS (đối với bị cáo T). Khoản 3 Điều 249 BLHS (đối với các bị cáo Đ, Đ1, T, T1 và L).

Xử phạt:

1. Bị cáo Nguyễn Trọng Đ 30 tháng tù về tội: “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/9/2016.

2. Bị cáo Nguyễn Trọng Đ1 27 tháng tù về tội: “Tổ chức đánh bạc”, được trừ 2 tháng 24 ngày đã tạm giữ, tạm giam trước, thời hạn hình phạt tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 24 tháng 6 ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Bị cáo Lộc Vĩnh T 27 tháng tù về tội: “Tổ chức đánh bạc”, tổng hợp với 27 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo bản án HSST số 01/2017/HSST ngày 20/01/2017 của TAND Huyện N, Thanh Hóa buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 54 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/9/2016.

4. Bị cáo Mai Ngọc T1 24 tháng tù về tội: “Tổ chức đánh bạc”, được trừ 2 tháng 17 ngày đã tạm giữ, tạm giam trước, thời hạn hình phạt tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 21 tháng 13 ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

5. Bị cáo Lê Văn L 24 tháng tù về tội: “Tổ chức đánh bạc”, được trừ 09 ngày đã tạm giữ trước, thời hạn hình phạt tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 23 tháng 21 ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

6. Bị cáo Nguyễn Trọng Đ2 24 tháng tù về tội: “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

7. Bị cáo Lê Văn T2 24 tháng tù về tội: “Tổ chức đánh bạc”, được trừ 03 ngày đã tạm giữ trước, thời hạn hình phạt tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 23 tháng 27 ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

8. Bị cáo Trần Văn N 24 tháng tù về tội: “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

9. Bị cáo Nguyễn Hoàng G 18 tháng tù về tội: “Tổ chức đánh bạc”, được trừ 01 tháng 24 ngày đã tạm giữ, giam trước, thời hạn hình phạt tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 16 tháng 6 ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

10. Bị cáo Trương Ngọc D 18 tháng tù về tội: “Tổ chức đánh bạc”, được trừ 2 tháng 24 ngày đã tạm giữ, tạm giam trước, thời hạn hình phạt tù còn lại bị cáo

phải chấp hành là 15 tháng 6 ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tự tính từ ngày bắt thi hành án.

11. Bị cáo Đỗ Xuân T3 12 tháng tù về tội: “Tổ chức đánh bạc”, được trừ 09 ngày đã tạm giữ trước, thời hạn hình phạt tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 11 tháng 21 ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tự tính từ ngày bắt thi hành án.

áp dụng: Điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53 BLHS (đối với tất cả các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”). Khoản 2 Điều 46 BLHS (đối với bị cáo H). Điểm g khoản 1 Điều 48; Khoản 5 điều 60 và điều 51 BLHS (đối với bị cáo Lương Khắc T4). Điều 33 BLHS (đối với các bị cáo T3, H, T5, K và L1).

Xử phạt:

1. Bị cáo Lương Khắc T4 33 tháng tù, tổng hợp với 15 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” theo bản án HSST số 45/2014/HSST ngày 03/7/2014 của TAND Huyện H, Thanh Hóa buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 48 tháng tù, được trừ 9 ngày đã bị tạm giữ trước, thời hạn hình phạt tù còn lại phải chấp hành là 47 tháng 21 ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tự tính từ ngày bắt thi hành án

2. Bị cáo Trần Thị H 27 tháng tù, được trừ 2 tháng 28 ngày đã tạm giữ, tạm giam trước, thời hạn hình phạt tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 24 tháng 2 ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tự tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Bị cáo Nguyễn Thị T5 27 tháng tù. được trừ 02 tháng 04 ngày đó tạm giữ, tạm giam trước, thời hạn hình phạt tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 24 tháng 26 ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tự tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Bị cáo Vương Chí K 24 tháng tù, được trừ 02 tháng 04 ngày đó tạm giữ, tạm giam trước, thời hạn hình phạt tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 21 tháng 26 ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tự tính từ ngày bắt thi hành án.

5. Bị cáo Lê Văn L1 24 tháng tù, được trừ 2 tháng 17 ngày đó tạm giữ, tạm giam trước, thời hạn hình phạt tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 21 tháng 13 ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tự tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên phạt các bị cáo còn lại từ 14 – 33 tháng tù giam và từ 18 - 30 tháng tù cho hưởng án treo về tội: “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc” tuyên hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Sau khi xử sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Trọng Đ, Lộc Vĩnh T, Lê Văn T2, Lương Khắc T4, Trần Thị H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt;

Các bị cáo Nguyễn Trọng Đ1, Đỗ Xuân T3, Mai Ngọc T1, Nguyễn Trọng Đ2, Nguyễn Hoàng G, Trương Ngọc D, Trần Văn N, Nguyễn Thị T5, Vương Chí K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Các bị cáo Lê Văn L, Lê Văn L1 kháng cáo xin xin hưởng án treo.

Ngày 20/7/2017, bị cáo Trần Thị H bổ sung kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 02/8/2017, bị cáo Đỗ Xuân T3 rút kháng cáo tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Đỗ Xuân T3.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Trọng Đ rút kháng cáo. Các bị cáo còn lại vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

* Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa:

- Đề nghị chấp nhận việc rút kháng cáo và đình chỉ xét xử đối với bị cáo Nguyễn Trọng Đ. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng Đ1, giữ nguyên án sơ thẩm đối với bị cáo Đ1.

- Chấp nhận kháng cáo và một phần kháng cáo giảm hình phạt cho các bị cáo: Nguyễn Trọng Đ2, Lộc Vĩnh T, Mai Ngọc T1, Lê Văn T2, Lương Khắc T4, Lê Văn L.

- Giữ nguyên hình phạt và cho hưởng án treo đối với các bị cáo: Nguyễn Hoàng G, Trương Ngọc D, Trần Văn N, Nguyễn Thị T5, Vương Chí K, Lê Văn L1, Trần Thị H.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo.

XÉT THẤY

Khoảng 17h ngày 05/9/2016 trên chiếc xe khách BKS: 36M-0842 tại khu vực cánh đồng thôn Văn Vật thuộc xã Đông V, Thành phố T, các đối tượng tổ chức đánh bạc có hành vi chuẩn bị xe ô tô đưa đón các con bạc, giao người xóc cái, giam tiền, giữ trật tự, bảo vệ, bán nước phục vụ các đối tượng đánh bạc dưới hình thức đánh sóc đĩa, được, thua bằng tiền thì bị Công an Thành phố T bắt quả tang. Thu giữ tại xới bạc, trên người các đối tượng số tiền 121.670.000đ và các dụng cụ phục vụ cho việc đánh bạc.

Đây là một vụ án có nhiều bị cáo tham gia thực hiện hành vi phạm tội, Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, góp phần làm gia tăng tệ nạn cờ bạc trong xã hội, gây dư luận xấu trong nhân dân, cờ bạc cũng là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm nghiêm trọng khác. Vì vậy, việc xử lý nghiêm các bị cáo khởi xướng, cầm đầu, vai trò đồng phạm tích cực và tái phạm là cần thiết để giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét kháng cáo của các bị cáo HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Trọng Đ có vai trò đầu, là người tổ chức sới bạc chuẩn bị công cụ, phương tiện; gọi điện rủ rê các con bạc, thuê các đối tượng trong việc tổ chức phục vụ cho việc đánh bạc. Tại phiên tòa bị cáo rút kháng cáo, việc rút kháng cáo của bị cáo là tự nguyện nên HĐXX ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Đ.

Nguyễn Trọng Đ1 là bị cáo có vai trò tích cực thứ hai của tội “tổ chức đánh bạc”. Bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ án sơ thẩm đã xem xét là thành khẩn khai báo, ngoài tình tiết giảm nhẹ này thì ở giai đoạn phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên không thỏa mãn điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của pháp luật, hình phạt cũng đã phù hợp với tính chất mức độ phạm tội và vai trò của bị cáo nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt xin hưởng án treo của Đ1. Giữ nguyên hình phạt của án sơ thẩm đối với Đ1.

Đối với các bị cáo Mai Ngọc T1, Lê Văn T2, Nguyễn Trọng Đ2 và Lương Khắc T4, Lộc Vĩnh T thấy rằng: Ở giai đoạn phúc thẩm Lộc Vĩnh T xuất trình

xác nhận của Công an Thành phố T thì bị cáo tích cực giúp cơ quan phát hiện, điều tra tội phạm. T3 xuất trình huân chương chiến công hạng 3 do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc tế. T1 tự nguyện nộp đầy đủ tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm thể hiện sự ăn năn hối cải, được chính quyền địa phương đề nghị tòa án xem xét nội dung kháng cáo. Đ xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ là cháu bà mẹ Việt Nam anh hùng, T2 có văn bản đề nghị xem xét giảm nhẹ của chính quyền địa phương, Đ và T2 vai trò canh gác vòng ngoài, hành vi có mức độ thấp hơn các đồng phạm khác ở tội “tổ chức đánh bạc”. Đó là các tình tiết giảm nhẹ mới cho T và T3 theo quy định tại điểm q, s khoản 1 điều 46 BLHS, tình tiết giảm nhẹ mới cho T1, T2, Đ theo khoản 2 Điều 46 BLHS, nên có cơ sở để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Đ và T1 nhân thân không tốt, tình tiết giảm nhẹ mới thuộc khoản 2 Điều 46 BLHS, nên chỉ chấp nhận giảm nhẹ hình phạt chứ không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của hai bị cáo.

Bị cáo Lộc Vĩnh T bản án HSST số 01/2017/HSST ngày 20/01/2017 của TAND huyện N xử phạt 27 tháng tù về tội “Đánh bạc” bị kháng cáo chưa có hiệu lực pháp luật, nhưng án sơ thẩm tổng hợp hình phạt của bản án này là chưa đúng. Bản án HSPT số 69/2017/HSPT ngày 05/5/2017 của TAND tỉnh Thanh Hóa xử phúc thẩm y án sơ thẩm. Do đó, cần sửa án sơ thẩm tổng hợp hình phạt của bản án HSPT của TAND tỉnh Thanh Hóa đối với bị cáo.

Đối với các bị cáo Lê Văn L, Trần Văn N, Nguyễn Hoàng G, Lê Văn L1, Vương Chí K, Trần Thị H, Nguyễn Thị T5, Trương Ngọc D nhân thân chưa tiền án, tiền sự ngoài những tình tiết giảm nhẹ án sơ thẩm nhận định thì ở giai đoạn phúc thẩm bị cáo Lê Văn L, Trần Văn N, Nguyễn Hoàng G, Lê Văn L1, Vương Chí K đã có công giúp các cơ quan công an phát hiện, xử lý các đối tượng phạm tội, L thêm tình tiết bố bị cáo ông Lê Hữu V là thương binh loại A, K có thêm tình tiết bố là ông Vương Bá U được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng 3. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới chung cho các bị cáo L, N, G, L1 và K quy định tại điểm q khoản 1 điều 46 BLHS và thêm khoản 2 điều 46 BLHS (đối với L, K). Bị cáo Trần Thị H, Nguyễn Thị T5, Mai Ngọc T1 ăn năn hối cải tự nguyện nộp đủ tiền phạt tại Thi hành án dân sự Thành phố T, bị cáo Trương

Ngọc D có bố được tặng thưởng nhiều huân chương, huy chương và bằng khen do có thành tích trong kháng chiến và thời gian tại ngũ, đây là những tình tiết giảm nhẹ mới cho các bị cáo H, T5, T1 và D quy định tại khoản 2 điều 46 BLHS. Ngoài ra các bị cáo N, T1, L1, H, T5 được chính quyền địa phương xác nhận đề nghị xem xét kháng cáo của các bị cáo. Do vậy, chấp nhận kháng cáo của bị cáo L và L1, chấp nhận một phần kháng cáo của Nguyễn Hoàng G, Trương Ngọc D, Trần Văn N, Nguyễn Thị T5, Vương Chí K, Trần Thị H giữ nguyên hình phạt cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương là phù hợp.

Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị toà không xem xét. Các bị cáo được chấp nhận kháng cáo không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm. Bị cáo Đ1 phải chịu án phí HSPT.

Vì các lẽ trên

Căn cứ Điểm a, b Khoản 2 Điều 248; Điểm c, đ Khoản 1 Điều 249 BLTTHS.

QUYẾT ĐỊNH

1, Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trọng Đ1; Chấp nhận kháng cáo và một phần kháng cáo của các bị cáo T, T1, Đ, L, T2, D, N, G, L1, K, T5, H và Lương Khắc T4. Sửa bản án sơ thẩm số về hình phạt của các bị cáo được chấp nhận kháng cáo.

*** Áp dụng:** Khoản 1 Điều 249; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 33 BLHS

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trọng Đ1 27 tháng tù về tội: “Tổ chức đánh bạc”, được trừ 2 tháng 24 ngày đã tạm giữ, tạm giam trước, thời hạn hình tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 24 tháng 6 ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

*** Áp dụng:** Khoản 1 Điều 249; Điểm p khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 33BLHS (đối với các bị cáo T, T1, Duy Đ2, T2). Điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS (đối với bị cáo T2). Điều 50, Điều 51 BLHS (đối với bị cáo T).

Xử phạt:

1. Bị cáo Lộc Vĩnh T 24 tháng tù về tội: “Tổ chức đánh bạc”, tổng hợp với 27 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo bản án HSPT số 69/2017/HSPT ngày 05/5/2017 của TAND tỉnh Thanh Hóa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 51 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/9/2016.

2. Bị cáo Mai Ngọc T1 15 tháng tù về tội: “Tổ chức đánh bạc”, được trừ 2 tháng 17 ngày đã tạm giữ, tạm giam trước, thời hạn hình phạt tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 12 tháng 13 ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Bị cáo Nguyễn Trọng Đ2 22 tháng tù về tội: “Tổ chức đánh bạc”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Bị cáo Lê Văn T2 18 tháng tù về tội: “Tổ chức đánh bạc”, được trừ 03 ngày đó tạm giữ trước, thời hạn hình phạt tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 17 tháng 27 ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 53; Khoản 1, Khoản 2 Điều 60 BLHS (đối với các bị cáo H, T5, K và L1); Điểm q Khoản 1 Điều 46 BLHS (Đối với bị cáo L1 và K); Điểm s Khoản 1 Điều 46 BLHS; Điểm g khoản 1 Điều 48; Khoản 5 điều 60 và điều 51; Điều 33 BLHS (đối với bị cáo Lương Khắc T4).

Xử phạt:

1. Bị cáo Trần Văn N 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội: “Tổ chức đánh bạc”, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2. Bị cáo Nguyễn Hoàng G 18 tháng tù cho hưởng án treo về tội: “Tổ chức đánh bạc”, thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

3. Bị cáo Trương Ngọc D 18 tháng tù cho hưởng án treo về tội: “Tổ chức đánh bạc”, thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

4. Bị cáo Lê Văn L 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội: “Tổ chức đánh bạc”, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 248; điểm p khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 53; Khoản 1, Khoản 2 Điều 60 BLHS (đối với các bị cáo H, T5, K và

L1); Điểm q Khoản 1 Điều 46 BLHS (Đối với bị cáo L1 và K); Điểm s Khoản 1 Điều 46 BLHS; Điểm g khoản 1 Điều 48; Khoản 5 điều 60 và điều 51; Điều 33 BLHS (đối với bị cáo Lương Khắc T4).

Xử phạt:

1. Bị cáo Lương Khắc T4 27 tháng tù về tội: “đánh bạc”, tổng hợp với 15 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” theo bản án HSST số 45/2014/HSST ngày 03/7/2014 của TAND H. Hoàng Hóa, Thanh Hóa buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 42 tháng tù, được trừ 9 ngày đã bị tạm giữ trước, thời hạn hình phạt tù còn lại phải chấp hành là 41 tháng 21 ngày, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án

2. Bị cáo Trần Thị H 27 tháng tù cho hưởng án treo về tội; “đánh bạc”, thời gian thử thách là 54 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

3. Bị cáo Nguyễn Thị T5 27 tháng tù cho hưởng án treo về tội; “đánh bạc”, thời gian thử thách là 54 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

4. Bị cáo Vương Chí K 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội; “đánh bạc”, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

5. Bị cáo Lê Văn L1 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội; “đánh bạc”, thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bđ c, o L cho UBND xã Đông A, huyện Đ, Thanh Hóa; bị cáo N, G cho UBND phường Đông V, Thành phố T; bị cáo D, T5 cho UBND phường Lam S, Thành phố T, Thanh Hóa; bị cáo H cho UBND phường Quảng T, Thành phố S, Thanh Hóa; bị cáo K cho UBND phường Điện B, Thành phố T; Bị cáo L1 cho UBND xã Phúc Đ, huyện N, Thanh Hóa giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự.

2, Án phí: Bị cáo Đ1 phải nộp 200.000đ án phí HSST. Các bị cáo T, T1, Đ, L, T2, D, N, G, L1, K, T5, H và Lương Khắc T4 không phải nộp án phí HSPT.

3, Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh
- VKSND Thành phố T
- TAND Thành phố T
- Công an Thành phố T
- Thị hành án Thành phố T
- Bị cáo
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VP Tòa Hình sự.

Lê Thị Dung